

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 269/2024/DS-ST

Ngày: 16-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng ủy quyền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Nguyên.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 483/2024/QĐ-ST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1940.

2. Bà Phan Thị N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B: Bà Phan Thị N, sinh năm 1954 (theo Giấy ủy quyền ngày 09/7/2024 được chứng thực bởi Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn B: Ông Trần Phước T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A. (Có mặt).

Địa chỉ: 8 đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1977. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng C (nay là Văn phòng C). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số A N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị N trình bày:

Do vợ chồng ông cần tiền tiêu xài nên ngày 03/02/2023 có lập hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng C với bà L để bà L thay mặt ông, bà vay Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09304 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 12/12/2022, thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21, diện tích 161,5m², đất tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Đến ngày 15/02/2023, bà L chuyển khoản cho vợ chồng ông số tiền 30.000.000 đồng và khi hỏi bà L số tiền còn lại 40.000.000 đồng như thế nào thì bà L nói đang giữ và không giao cho ông, bà. Do đó, ngày 20/02/2023, ông, bà có chuyển khoản trả lại cho bà L số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu bà L giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L đồng ý và đã giao trả lại xong đồng thời ông, bà cũng đã trả đủ tiền phí ủy quyền 1.000.000 đồng cho bà L.

Sau đó, ông, bà làm thủ tục vay ngân hàng và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì bộ phận một cửa huyện C không thực hiện thủ tục và yêu cầu phải hủy bỏ việc ủy quyền với bà L. Ông, bà có liên hệ với bà L đến Văn phòng C để hủy bỏ việc ủy quyền nhưng bà L hẹn nhiều lần và không hợp tác. Do đó, ông, bà khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng ủy quyền giữa ông, bà và bà Nguyễn Thị Bích L lập ngày 03/02/2023 tại Văn phòng C.

Tại phiên tòa, bà N xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Trợ giúp viên pháp lý ông Trần Phước T thống nhất với nội dung trình bày của bà N, không bổ sung gì thêm.*

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến về nội dung đơn khởi kiện của ông B, bà N.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày tại văn bản số 132/2024/CV-VPCC ngày 14/6/2024, nội dung như sau:*

Ngày 03/02/2023, ông Nguyễn Văn B, Phan Thị N cùng với bà Nguyễn Thị Bích L có đến Văn phòng C (nay là VPCC H) làm thủ tục yêu cầu công chứng hợp đồng ủy quyền. Đối tượng của hợp đồng ủy quyền là quyền sử dụng thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21, diện tích 161,5m² (Đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 61,5m²), tọa lạc tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 535919 (số vào sổ CS09304) ngày 12/12/2022. Ngoài ra, hai bên cung cấp căn cước công dân và các giấy tờ khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng ủy quyền.

Qua kiểm tra hồ sơ, Công chứng viên nhận thấy các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích nội dung của hợp đồng là tự nguyện,

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và tại thời điểm công chứng, đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng đất không tranh chấp, không bị kê biên, có nguồn gốc hợp pháp. Cả hai bên đã kiểm tra, biết rõ nhân thân, nguồn gốc quyền sử dụng đất và không yêu cầu Văn phòng công chứng xác minh hay thẩm định gì thêm đối với quyền sử dụng đất nêu trên.

Do vậy, Công chứng viên Văn phòng C (nay là V) đã dự thảo nội dung hợp đồng uỷ quyền theo yêu cầu của các bên và giải thích rõ quyền, nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng uỷ quyền. Các bên đã đọc lại hợp đồng, cam kết hiểu rõ và đồng ý ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng.

Việc thực hiện Hợp đồng uỷ quyền đảm bảo đầy đủ, trình tự, thủ tục đúng quy định tại Điều 41 Luật Công chứng số 53/2014/QH13 (Sửa đổi, bổ sung năm 2018).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Trần Phước T- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do phía ông B, bà N đã thanh toán đủ số tiền đủ tiền thù lao cho bà L nên có quyền đơn phương yêu cầu hủy bỏ hợp đồng uỷ quyền để tạo điều kiện cho ông B, bà L thực hiện các giao dịch dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị N khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích L. Bà L có nơi cư trú tại số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng uỷ quyền lập ngày 03/02/2023 tại Văn phòng C (nay là Văn phòng C) giữa ông B, bà N với bà L. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng uỷ quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C (nay là Văn phòng C) có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ bà L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà L đã nhận trực tiếp văn bản tố tụng nhưng bà L không tham gia và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào

các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Xét hợp đồng ủy quyền lập ngày 03/02/2023 giữa ông B, bà N và bà L được ký kết tại Văn phòng C (nay là Văn phòng C) về hình thức và nội dung thực hiện đúng quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại*”.

Ông B, bà N xác định các bên đã thực hiện xong hợp đồng trên, ông, bà cũng đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trả tiền thù lao bằng tiền mặt cho bà L số tiền 1.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà L không gửi văn bản trình bày ý kiến hoặc văn bản phản đối với nội dung trình bày của ông B, bà L về việc đã nhận số tiền thù lao 1.000.000 đồng nên có cơ sở xem xét ý kiến trình bày của ông B, bà L.

[7] Ông B, bà N ủy quyền cho bà L thông qua hợp đồng ủy quyền có thù lao và đã thanh toán xong khoản tiền thù lao. Do đó ông B, bà N có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng ủy quyền bất cứ lúc nào. Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N, hủy bỏ hợp đồng ủy quyền được ký kết giữa ông B, bà N và bà L.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của ông B, bà N được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông B, bà N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 4 Điều 422, Điều 562, Điều 569 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1, Khoản 2 Điều 14, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị N.

- Hủy bỏ hợp đồng ủy quyền được ký kết giữa ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị N và bà Nguyễn Thị Bích L, số công chứng 000239, quyền số: 02/2023 TP/CC-HĐGD do Văn phòng C (nay là Văn phòng C) chứng nhận ngày 03/02/2023.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B, bà Phan Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên